

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08** /2017/HSST

Ngày: 19 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Phi Hùng

2. Ông Bùi Văn Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long— Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2017/HSST ngày 22/11/2017 đối với bị cáo:

Trần Tuấn V, sinh năm 1995, tại Cà Mau; Tên gọi khác: P; Nơi ĐKKHKT: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ H, đường N, kp 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1970 và bà Lê Thị N, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Phan Ánh N, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Trần Công L, sinh ngày 08/5/2001; Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau (Vắng)

Người đại diện theo pháp luật của Trần Công L: Ông Trần Phúc S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1981; Địa chỉ: 47/5, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/02/2017, Trần Tuấn V rủ Trần Công L đi từ thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lên xã Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước mục đích là để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, nghe vậy L đồng ý. V điều khiển xe moto biển kiểm soát 59D1-083.90 chở L đến quán Cà phê A thuộc tổ 1, ấp 5, xã T, huyện H. Tại đây, V và L vào quán gọi nước uống rồi nằm võng nghỉ cho đến 01 giờ ngày 01/03/2017, V đi ra sau quán cà phê đi vệ sinh thì thấy kế bên quán cà phê là nhà bà Phan Ánh Ngọc bên trong nhà mở đèn ngủ, V đi đến quan sát qua cửa chính, nhìn thấy trong phòng khách dựng 01 xe mô tô Wave Blade, biển số 93C1-101.87, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. V đi ra gọi L và nói “Mày vào canh cho tao lấy xe”, L đồng ý và đi đến vách tường, đứng bên ngoài cửa sổ phòng ngủ nhà bà Ngọc để canh giới. Lúc này, trong phòng ngủ có bà Ngọc và con trai là Lê Nhật Huy đang nằm ngủ. V sử dụng kim đã chuẩn bị sẵn đi đến cửa sau nhà bà Ngọc để mở cửa, nhưng do cửa sau không khóa, chỉ cài chốt, nên V bỏ lại cây kim, dùng tay mở chốt cửa rồi đi lên phòng khách mở cửa chính. Sau đó dắt xe mô tô biển số 93C1-101.87 ra ngoài sân, nhưng do xe không có chìa khóa nên V quay lại vào phòng ngủ để tìm chìa khóa và lấy được chìa khóa để trên thành cửa sổ phòng ngủ. Sau khi lấy được khóa xe V ra ngoài nói L điều khiển xe vừa trộm được, còn V điều khiển xe Sirius, biển số 59D1-083.90, chạy về phòng trọ số 1 thuộc nhà trọ H, đường N, kp 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do ông Trần Văn H là bố ruột của V thuê để ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 01/03/2017, V cùng L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93C1-101.87 mới chiếm đoạt được đi bán cho Nguyễn Thành N được 3.500.000đ, rồi chia nhau tiêu xài hết số tiền trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 273/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 22/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Giá trị xe mô tô Wave Blade, biển kiểm soát 93C1-101.87 của bà Phan Ánh N, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 01/3/2017 có giá trị 17.935.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 52/CTr-VKS ngày 21 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Trần Tuấn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tuấn V khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Tuấn V phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Tuấn V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 kim bằng kim loại, cán bọc nhựa đỏ đen, dài 15,5cm là công cụ gây án. Anh Nguyễn Thành N yêu cầu V và L bồi thường số tiền 3.500.000đ, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N.

Lời nói sau cùng của bị cáo của bị cáo: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã hối hận, xin Hội đồng xét xử cho mức án nhẹ để có cơ hội cải tạo thành người tốt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hớn Quan, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Ngày 01/3/2017 Trần Tuấn V lợi dụng sơ hở và thiếu cảnh giác của bà Phan Ánh N, không khoá cửa nhà khi đi ngủ nên đã đột nhập vào nhà bà N, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Wave Blade, 93C1-101.87. Theo kết luận định giá tài sản thì tại thời điểm bị chiếm đoạt xe của bà Phan Ánh N có giá trị là 17.935.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trần Tuấn V là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bị cáo biết lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm phục cho nhu cầu cá nhân của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng một mức án nghiêm khắc tưng xứng với hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ

theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Hiện nay, bị cáo Trần Tuấn V đang chấp hành án theo bản án số 70/2017/HSST ngày 15/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Chơn Thành với tội danh Trộm cắp tài sản, mức hình phạt là 01 năm 02 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phải chịu tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 70/2017/HSST của Toà án nhân dân huyện Chơn Thành.

Đối với Trần Công L do tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ Luật hình sự.

[3] Về vật chứng vụ án:

- Đối với xe mô tô Wave Blade, biển kiểm soát 93C1-101.87 cơ quan điều tra đã trả cho bà Phan Ánh N đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với 01 kìm bằng kim loại, cán bọc nhựa đỏ đen, dài 15,5cm, do V bỏ lại hiện trường không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Ánh N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N yêu cầu trả lại số tiền 3.500.000đ mà ông đã bỏ ra mua xe Wave Blade biển kiểm soát 93C1-101.87. Yêu cầu của ông N là có căn cứ vì khi mua xe ông Nhân không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có và ông đã giao nộp lại tài sản để trả cho người bị hại. Do đó, cần buộc V và L có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền trên cho ông N. Do Trần công L chưa thành niên nên người đại diện theo pháp luật của Trần công L là ông Trần Phúc S phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Trần Công L; Cụ thể Trần Tuấn V phải bồi thường cho ông N số tiền là 1.750.000đ; L và ông Trần Phúc S phải bồi thường cho ông N số tiền 1.750.000đ.

Án phí: Bị cáo, người liên quan phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tuấn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Trần Tuấn V 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt của bản án số 70/2017/HSST ngày 15/8/2017 của Toà án nhân dân huyện Chơn Thành (01 năm 02 tháng tù) thành hình phạt chung là 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/3/2017.

[3] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 kim băng kim loại, cán bọc nhựa đỏ đen, dài 15,5cm (Vật chứng được chuyển theo hồ sơ, Toà án sẽ chuyển cho cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Tuấn V trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc Trần Công L và ông Trần Phúc Sinh trả lại cho ông Nguyễn Thành N số tiền 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Bị cáo Trần Tuấn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trần Công L và ông Trần Phúc S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA Hớn Quản;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy